

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hà Tuấn Vĩnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thịnh.**

Ông **Nguyễn Hồng Diện.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Dạ Lan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện V Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Triệu Chàn H, sinh năm: 1996; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Triệu Mùi V, sinh năm: 1995; vắng mặt lần 2 không có lý do;

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh Triệu Chàn H trình bày: Anh và vợ anh là Triệu Mùi V được cưới hỏi theo phong tục tập quán, vào ngày 12/5/2016 vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã S, huyện X, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn Bản Khoét, xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, sau đó đến năm 2018 gia đình anh chuyển về sinh sống tại thôn Bản Tân, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, trong thời

gian anh vắng nhà đi làm ăn, vợ anh ở nhà không chung thủy, anh biết và khuyên bảo nhưng vợ anh không thay đổi mà còn bỏ nhà đi, anh đi đón vợ về nhà nhưng chị V vẫn không thay đổi và đã bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được Ban quản lý thôn Bản Tân và gia đình can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Do vậy anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, tên là Triệu Long K, sinh ngày 02/9/2014, hiện cháu K đang ở cùng anh. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là để cho anh trực tiếp nuôi cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Triệu Mùi V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Triệu Mùi V vắng mặt, chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị V cư trú và em trai của chị V cũng đã liên lạc qua điện thoại với chị V về việc anh H làm đơn xin ly hôn chị gửi đến Tòa án để giải quyết, chị V cũng nhất trí ly hôn nhưng hiện nay chị chưa có điều kiện để về, chị đề nghị anh H cứ giải quyết ly hôn vắng mặt chị, em trai chị V đã liên lạc qua điện thoại cho chị V nhưng chị V vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh có trình bày rõ anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Triệu Mùi V; về con chung: Khi ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi con chung cháu Triệu Long K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn chị Triệu Mùi V, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Chàn H đối với chị Triệu Mùi V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Triệu Long K, sinh ngày 02/9/2014 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Triệu Chàn H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Triệu Mùi V có nơi cư trú là Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân chị V thông báo qua điện thoại cho chị V biết việc anh H yêu cầu ly hôn chị và Tòa án cũng đã gửi văn bản tố tụng cho chị V theo quy định, nhưng chị V vẫn không có mặt và chị V đề nghị anh H giải quyết ly hôn vắng mặt chị, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với chị V theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Triệu Mùi V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Triệu Mùi V. Nguyên đơn là anh Triệu Chàn H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Chàn H.

[3] Về hôn nhân: Anh Triệu Chàn H và chị Triệu Mùi V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh H và chị V là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh H và chị V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, chị V không có trách nhiệm với chồng con, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn giữa anh H và chị V là thiếu sự tin tưởng nhau, chị V không có trách nhiệm với chồng

con, mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được thôn và gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị V nhưng chị V vẫn vắng mặt. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 10/6/2021 và ngày 11/6/2021 thể hiện do chị V đi làm ăn xa không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình và chính quyền xã nơi chị V cư trú, thời gian chị V và anh H sống ly thân đã lâu, chị V không quan tâm cuộc sống hôn nhân. Anh H xác định không còn tình cảm với chị V, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Long K, sinh ngày 02/9/2014. Xét thấy, anh H đang trực tiếp nuôi con chung, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án chị V không có mặt nên không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con chung cho anh H được trực tiếp nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Triệu Mùi V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Triệu Chàn H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Triệu Chàn H. Anh Triệu Chàn H được ly hôn chị Triệu Mùi V.

Về nuôi con chung: Anh Triệu Chàn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Long K, sinh ngày 02/9/2014 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị V, anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Anh Triệu Chàn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001367, ngày 31/3/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên;
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh